

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 12-6-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Hồng Vân

Bà Tạ Thị Hải Linh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị T; nơi đăng ký thường trú: Số 21/44 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Lương Xuân L; nơi đăng ký thường trú: Số 21/44 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 1, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Lương Xuân C.

2. Bà Nguyễn Thị B.

Đều cư trú tại: Số 21/44 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Ông C và bà B đều có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:*

Chị và anh Lương Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 4 năm 2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không phù hợp; giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả; từ tháng 11 năm 2019 đến nay, chị và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Lương Xuân L được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Lương Xuân L có hai con chung là Lương Minh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2012 và Lương Xuân K, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015; hiện tại cháu N đang sống cùng anh L, còn cháu K đang sống cùng với chị. Vì anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con nên chị cũng đồng ý giao cả hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh Lương Xuân L có tài sản chung là nhà đất tại thửa lô số 205 (sau khi đính chính là thửa lô số 207), tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Thửa đất có diện tích 53,5m<sup>2</sup> có nguồn gốc là do bố mẹ đẻ của anh L là ông Lương Xuân C và bà Nguyễn Thị B tặng cho chị và anh L vào tháng 9 năm 2018 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập tại Văn phòng Công chứng A; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên chị và anh L vào ngày 20 tháng 11 năm 2018. Trên đất có một căn nhà 02 tầng được xây dựng vào tháng 08 năm 2018; chị là người trực tiếp bỏ tiền ra xây nhà với số tiền khoảng 650.000.000 đồng; khi xây nhà, bố mẹ đẻ của anh L là ông C và bà B có cho chị và anh L 40.000.000 đồng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh L không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ.

*Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Lương Xuân L trình bày:*

Anh cũng thông nhất với lời trình bày của chị Vũ Thị T về thời gian và địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, chị T thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình; vì những mâu thuẫn trên nên giữa vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát, đánh cãi nhau; cách đây khoảng 07 tháng, chị T đã chuyển ra ngoài sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mong muốn của anh là vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành nhưng vì chị T kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị T có hai con chung là Lương Minh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2012 và Lương Xuân K, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015; hiện tại cháu N đang sống cùng với anh, còn cháu K đang sống cùng chị T. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T có tài sản chung là nhà đất tại lô số 205 (sau khi đính chính là thửa lô số 207), tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Thửa đất này có diện tích 55,3m<sup>2</sup> có nguồn gốc là do bố mẹ đẻ của anh là ông Lương Xuân C và bà Nguyễn Thị B tặng cho anh và chị T vào năm 2018. Việc tặng cho được lập thành văn bản và chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và chị T. Trên đất có một căn nhà 02 tầng do chị T bỏ tiền ra xây, còn số tiền cụ thể là bao nhiêu thì anh không rõ. Quá trình xây nhà, bố mẹ anh cho anh và chị T 50.000.000 đồng nhưng anh và bố mẹ anh không có bất cứ yêu cầu gì liên quan đến số tiền này. Khi giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, anh đề nghị Tòa án chia đôi nhà đất bằng hiện vật cho anh và chị T mỗi người sở hữu, sử dụng một nửa.

Ngoài ra, anh và chị T còn có một số tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh cũng không có ý kiến. Anh và chị T không vay nợ của ai khác và cũng không cho ai vay nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Xuân C và bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lương Xuân L. Anh L và chị T có tài sản chung là nhà đất tại tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Đất có nguồn gốc là do ông bà tặng cho anh L và chị T vào năm 2018. Việc tặng cho được lập thành văn bản và chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, anh L và chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tài sản trên đất là căn nhà 02 tầng được xây dựng vào tháng 8 năm 2018 với chi phí khoảng 500.000.000 đồng; số tiền xây nhà là do chị T bỏ tiền ra xây. Khi xây nhà, ông bà cho vợ chồng anh L và chị T số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông bà không có bất kỳ yêu cầu gì liên quan đến số tiền này. Trường hợp chị T và anh

L ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà đất cho anh L sở hữu, sử dụng, gia đình ông bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 500.000.000 đồng hoặc chia nhà đất bằng hiện vật cho anh L và chị T mỗi người sở hữu, sử dụng một nửa.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 12 năm 2019, con chung trên 07 tuổi của anh Lương Xuân L và chị Vũ Thị T là cháu Lương Minh N trình bày:*

Hiện tại cháu đang sống cùng với bố, bố yêu thương và đối xử với cháu rất tốt. Trước đây khi bố mẹ còn ở chung với nhau rất hay xảy ra cãi vã, có lần còn đánh nhau. Nguyên vọng của cháu là mong muốn được sống cùng cả bố, mẹ và em; cháu không muốn bố mẹ và chị em cháu phải sống xa nhau.

*Theo Biên bản xác minh ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Tổ dân phố nơi chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L cư trú:*

Chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L kết hôn vào thời gian nào địa phương không nắm được nhưng anh chị chuyển về sinh sống tại tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng từ năm 2018. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, xô xát, đã có lần bị Công an phường Đ lập biên bản. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ; trường hợp chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng:*

Thửa đất lô số 205 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng có kích thước cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp lô 202 dài 4,26m.
- Phía Nam giáp đường đi dài 5,5m + 0,17m.
- Phía Đông giáp lô 206 dài 15m.
- Phía Tây giáp đường dài 11m.

Tổng diện tích đất là 55,3m<sup>2</sup>, đất không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch đất ở. Trên đất có một ngôi nhà 02 tầng và một lối lên mái, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, tường bao xây gạch chỉ 220mm, diện tích xây dựng 52m<sup>2</sup>, diện tích sàn 120,5m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo bản đồ quy hoạch năm 2003 hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường Đ thì thửa đất là lô số 207, không phải lô số 205.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng thực hiện đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Lương Xuân L và chị Vũ Thị T với nội dung: Lô số 205 có sai sót, được đính chính lại là thửa đất lô số 207.

*Theo Biên bản định giá tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản quận H, thành phố Hải Phòng:*

- Quyền sử dụng diện tích 55,3m<sup>2</sup> đất tại thửa lô số 205 (sau khi đính chính là lô số 207), tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo giá thị trường tại thời điểm định giá có giá trị là: 14.500.000 đồng/1m<sup>2</sup> x 55,3m<sup>2</sup> = 801.850.000 đồng.

- Giá trị của toàn bộ tài sản gắn liền với đất là: 667.785.000 đồng.

- Tổng giá trị tài sản (bao gồm cả nhà và đất) theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 1.469.635.000 đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 11 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L được ly hôn.

Về con chung: Giao các con chung Lương Minh N và Lương Xuân K cho anh Lương Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Diện tích đất tại thửa số 207, tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là do ông Lương Xuân C và bà Nguyễn Thị B tặng cho anh Lương Xuân L và chị Vũ Thị T; việc tặng cho được lập thành văn bản, được chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, anh L và chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Trên đất có một căn nhà 02 tầng, các bên đều thừa nhận chị T là người bỏ tiền xây dựng căn nhà này và đây là tài sản chung của vợ chồng. Vì diện tích nhà đất nhỏ, không thể chia bằng hiện vật; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà đất cho anh L sở hữu, sử dụng; anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị T ½ giá trị tài sản theo kết quả định giá của Hội đồng định giá là 734.817.500 đồng.

Về án phí: Chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Lương Xuân L đang cư trú tại tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 4 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, đánh nhau. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, anh Lương Xuân L có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T xin được ly hôn với anh Lương Xuân L.

[3] Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L có hai con chung là Lương Minh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2012 và Lương Xuân K, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015; hiện tại cháu N đang sống cùng với anh L, còn cháu K đang sống cùng với chị T. Khi vợ chồng ly hôn, chị T và anh L đều có nguyện vọng giao cả hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, anh Lương Xuân L hiện đang làm việc tại Công ty Cổ phần Greating Fortune Container Việt Nam với mức thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/1 tháng, có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L về việc giao các con chung Lương Minh N và Lương Xuân K cho anh Lương Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự đều thống nhất xác định nhà đất tại thửa lô số 207, tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L. Trong đó, đất có nguồn gốc do bố mẹ đẻ của anh L là ông Lương Xuân C và bà Nguyễn Thị B tặng cho anh L và chị T vào năm 2018, việc tặng cho được lập thành văn bản và chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, đất

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là anh L và chị T; trên đất có một căn nhà 02 tầng do chị T bỏ tiền ra xây.

[5] Anh Lương Xuân L đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất bằng hiện vật cho mỗi người sở hữu, sử dụng một nửa. Tuy nhiên, thửa đất đang tranh chấp chỉ có diện tích 55,3m<sup>2</sup>, diện tích sàn nhà là 52m<sup>2</sup> không đủ điều kiện để phân chia, tách thửa cho chị T và anh L cùng sở hữu, sử dụng. Xét, diện tích đất tại tổ dân phố số 1, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc do bố mẹ đẻ anh L tặng cho, anh L là người đang trực tiếp sinh sống trên nhà đất này và nhận quyền nuôi dưỡng cả hai con, anh L có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, không làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống và học tập của các cháu cũng như đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử giao nhà đất tại tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng cho anh Lương Xuân L sở hữu, sử dụng; anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị T giá trị phần tài sản chung của vợ chồng mà chị T được hưởng theo quy định của pháp luật. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, nhà đất của anh L và chị T tại tổ dân phố số 1, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 1.469.635.000 đồng. Quá trình chung sống, chị T và anh L có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Vì vậy, tài sản được chia đôi và anh L phải có trách nhiệm thanh toán cho chị T  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tương đương 734.817.500 đồng.

[6] Đối với các tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 734.817.500 đồng. Anh Lương Xuân L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 734.817.500 đồng.

[8] Về chi phí tố tụng: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, không yêu cầu anh Lương Xuân L phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các điều 19, 56, 59, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Lương Xuân L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các con chung Lương Minh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2012 và Lương Xuân K, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015 cho anh Lương Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

3.1. Chia cho anh Lương Xuân L được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại thửa lô số 207, tờ bản đồ số 04 (C), tổ dân phố số 1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

3.2. Anh Lương Xuân L có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị T số tiền là 734.817.500 đồng (bảy trăm ba mươi tư triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3. Đối với các tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 33.392.700 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng,



tổng cộng là 33.692.700 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng). Chị Vũ Thị T đã nộp 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005368 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T còn phải nộp tiếp 15.392.700 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh Lương Xuân L phải nộp 33.392.700 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận H, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Bích Diệp**